

DÂN QUYỀN TRONG ƯỚC PHÁP LÂM THỜI TRUNG HOA DÂN QUỐC 1912^(*)

TRẦN THỊ HOA
Trương Đại học Luật Hà Nội

Nhận bài ngày 03/7/2023. Sửa chữa xong 08/7/2023. Duyệt đăng 13/7/2023.

Abstract

Along with the Xinhai Revolution, the establishment of the Republic of China, the promulgation of the Provisional Constitution of the Republic of China is an event of great significance in the history of China and Asia. It was the first democratic constitution of the Republic in China. The provisions on civil rights make an important contribution to the historical value of this constitution.

Keywords: Constitution, Provisional Constitution, Covenant, Republic of China, civil rights.

1. Đặt vấn đề

Ngày 11-3-1912, chính phủ Nam Kinh ban bố Ước pháp lâm thời của nước Trung Hoa Dân quốc. Ước pháp lâm thời là thành quả vĩ đại của nhân dân Trung Quốc trong cuộc đấu tranh cách mạng. Tôn Trung Sơn coi đó là sự đảm bảo cho Trung Hoa Dân quốc và là "huyết mạch của nền cộng hòa», «lá cờ của cách mạng". Tuy nhiên, trong một thời gian dài các nhà nghiên cứu, bình luận của Trung Quốc cận hiện đại để cập đến nó đã có một số nhận định chưa đúng mực, thậm chí có người coi nó là "một tờ giấy", "là văn bản chết". Ngày nay, các nhà nghiên cứu Trung Quốc cũng như thế giới đã và đang xem xét lại, đánh giá khách quan "Ước pháp lâm thời Trung Hoa Dân quốc" thực sự là văn kiện có ý nghĩa lịch sử trọng đại hay là một văn kiện sáo rỗng vô dụng? Bài viết này xem xét khía cạnh về dân quyền để góp thêm vào việc nghiên cứu bản Ước pháp hy vọng có thể nhìn nhận đúng và khôi phục lại địa vị lịch sử của nó.

2. Bối cảnh ban hành Ước pháp lâm thời Trung Hoa Dân quốc

Khởi nghĩa Vũ Xương tháng 10-1911 bùng nổ mở đầu cho cuộc cách mạng Tân Hợi của Trung Quốc. Sau khởi nghĩa Vũ Xương, đại biểu các tỉnh tuyên bố độc lập, thoát khỏi sự ràng buộc của nhà Thanh. Tháng 11/1911, hội nghị Vũ Xương, đại đa số các đại biểu đã cho rằng điều kiện, hoàn cảnh Trung Quốc hiện nay cũng giống như hoàn cảnh của 13 bang thời kì đầu Mỹ thoát khỏi Anh quốc độc lập, cho nên họ quyết định xây dựng chính quyền Trung Hoa Dân quốc theo mô hình thể chế chính trị, chế độ tổng thống của nước Mỹ. Ngày 29-12-1911, hội nghị đại biểu các tỉnh đã bầu Tôn Trung Sơn làm Lâm thời Đại tổng thống nhiệm kì đầu tiên. Ngày 01-01-1912 được coi là ngày đầu tiên năm thứ nhất của Trung Hoa Dân quốc với sự kiện Tôn Trung Sơn tuyên bố chính phủ lâm thời Trung Hoa Dân quốc được thành lập tại Nam Kinh và chính thức nhậm chức.

Từ ngày 07-02-1912, Quốc hội chính phủ lâm thời Nam Kinh triệu tập hội nghị khởi thảo "Hiến pháp lâm thời". Sau hai lần thảo luận dự thảo đã được Quốc hội thông qua và Tôn Trung Sơn ban bố ngày 11-3-1912 với tên gọi "Ước pháp lâm thời Trung Hoa Dân quốc" (thường gọi tắt là Ước pháp hoặc Ước pháp lâm thời, Hiến pháp lâm thời). Đây được coi như bản hiến pháp đầu tiên của nước

(*) Bài báo này được thực hiện trong khuôn khổ đề tài của Trường Đại học Luật Hà Nội, "Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong lịch sử lập hiến Trung Quốc và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam" năm 2022.

Email: maihoa1204@gmail.com

Trung Hoa dân chủ, có ý nghĩa quan trọng như là thành quả của Cách mạng Tân Hợi, là bản hiến pháp dân chủ đầu tiên trong lịch sử lập hiến Trung Quốc cũng như Châu Á.

Về kết cấu, Ước pháp lâm thời gồm 7 chương với 56 điều. Chương I - Tổng cương gồm 4 điều quy định chính thể Cộng hòa dân chủ và chủ quyền thuộc về nhân dân. Chương II - Nhân dân, từ Điều 5 đến Điều 15, quy định các quyền, nghĩa vụ cơ bản của nhân dân. Chương III, Chương IV, Chương V và Chương VI, Ước pháp chủ yếu quy định về cơ cấu tổ chức và hoạt động của các cơ quan quyền lực nhà nước bao gồm: Tham nghị viện, Lâm thời Đại tổng thống và Phó tổng thống, Quốc vụ viện, Pháp viện. Chương VII - Các điều khoản bổ sung, quy định về vấn đề bảo hiến và thủ tục sửa đổi của Ước pháp lâm thời.

3. Những quyền cơ bản của nhân dân trong Ước pháp lâm thời Trung Hoa Dân quốc

Ước pháp lâm thời không phải là văn bản có giá trị hiến pháp đầu tiên ở Trung Quốc, mà “Khâm định hiến pháp đại cương” được coi là văn bản có giá trị hiến pháp đầu tiên được triều Thanh ban hành năm 1908. Bản hiến pháp của triều Thanh mặc dù xác lập thể chế quân chủ lập hiến nhưng vẫn đảm bảo quyền lực chí cao vô thượng của hoàng đế, quyền của người dân vẫn rất hạn chế. So với Khâm định hiến pháp đại cương, mọi vấn đề trong đó có dân quyền của Ước pháp lâm thời đã thay đổi hoàn toàn về bản chất và có bước tiến nhảy vọt, bắt nhịp cùng xu hướng dân chủ chung của nhân loại.

3.1. Về chủ thể của hiến pháp

Nếu trong Khâm định hiến pháp đại cương của triều Thanh, chủ thể của hiến pháp là hoàng đế thì trong Ước pháp lâm thời Trung Hoa Dân quốc, “nhân dân” đã trở thành chủ thể của hiến pháp. Khâm định Hiến pháp đại cương có đề cập đến người dân nhưng sử dụng khái niệm “thần dân” thì Ước pháp lâm thời của Trung Hoa Dân quốc khái niệm “nhân dân” đã được sử dụng nhất quán trong tất cả các điều khoản. Từ đây, “nhân dân” chính thức xuất hiện với tư cách là một khái niệm hiến pháp. Nhân dân trở thành chủ thể của hiến pháp - văn bản có hiệu lực pháp lí cao nhất của nhà nước. Người dân không còn là đối tượng hoặc thậm chí là tài sản giống như “thần dân” của hoàng đế, mà họ đã vươn lên trở thành địa vị người làm chủ giang sơn, đất nước. Lần đầu tiên trong lịch sử Trung Quốc người dân đã thay đổi địa vị pháp lí của mình. Ngay Điều 1, Điều 2 Ước pháp khẳng định: “*Trung Hoa Dân quốc (Cộng hòa Trung Hoa) do toàn thể nhân dân Trung Hoa tổ chức nên (Điều 1); Chủ quyền của Trung Hoa Dân quốc thuộc về toàn thể quốc dân*” (Điều 2) [6, tr. 307] đã đưa nhân dân trở thành «chủ nhân» của đất nước, trở thành chủ thể nắm quyền lực nhà nước. Đây cũng là một minh chứng cho sự xác lập nền cộng hòa dân chủ ở Trung Hoa, đánh dấu một bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử Trung Quốc, chuyển từ chính thể quân chủ chuyên chế lấy “hoàng đế” là trung tâm sang chính thể cộng hòa dân chủ lấy “nhân dân” làm trung tâm.

3.2. Về quyền của người dân với tư cách là cá nhân

Tức “nhân dân” là những “con người” riêng lẻ. Nội dung này được thể hiện tập chung trong Chương II - Nhân dân. Về quyền của nhân dân được quy định tập chung trong Chương II, cụ thể như sau:

- Điều 5: Nhân dân của Trung Hoa Dân quốc bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt dân tộc, giai cấp, tôn giáo.

- Điều 6: Nhân dân được hưởng các quyền tự do dưới đây:

1. Nhân dân được tự do về thân thể, nếu không có quy định của pháp luật, không được bắt bớ, giam cầm, thẩm vấn, xử phạt;
2. Nơi ở của Nhân dân, nếu không có quy định của pháp luật, không được phép xâm phạm hoặc lục soát;
3. Nhân dân được tự do giữ tài sản và tự do kinh doanh;
4. Nhân dân có quyền tự do ngôn luận, sáng tác, xuất bản, hội họp, lập hội;

5. Nhân dân có quyền tự do bí mật thư tín;
6. Nhân dân có quyền tự do cư trú, đi lại;
7. Nhân dân có quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo.

- Điều 7: Nhân dân có quyền đưa kiến nghị lên Nghị viện.

- Điều 8: Nhân dân có quyền khiếu nại đến các cơ quan hành chính.

- Điều 9: Nhân dân có quyền khởi kiện đến tòa án, có quyền nhận sự xét xử của tòa án.

- Điều 10: Nhân dân có quyền khởi kiện lên Bình chính viện đối với những công chức nhà nước có hành vi vi phạm pháp luật hoặc xâm hại đến quyền lợi của mình.

- Điều 11: Nhân dân có quyền thi tuyển làm công chức.

- Điều 12: Nhân dân có quyền bầu cử và ứng cử.

Điều 13 và Điều 14 quy định nghĩa vụ của nhân dân

- Điều 15: Quyền của nhân dân quy định tại Chương này có thể bị luật hạn chế khi xét thấy cần thiết để thúc đẩy phúc lợi công cộng, duy trì trật tự công cộng hoặc trong trường hợp cực kỳ khẩn cấp [6, tr. 307].

Trước hết, Ước pháp lâm thời khẳng định quyền dân sự, chính trị quan trọng nhất là quyền tự do, bình đẳng. Ước pháp quy định nhân dân Trung Hoa Dân quốc đều "bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt dân tộc, giai cấp, tôn giáo" (Điều 5). Ở đây, "nhân dân" là một khái niệm thống nhất cho tất cả người dân Trung Quốc, không có sự phân biệt "nhân dân" và "không phải nhân dân" giữa các công dân, dù là người Hán, người Mãn hay bất kì dân tộc nào. Quy định này có thể coi là một sự đột phá trong đời sống chính trị, xã hội truyền thống của Trung Quốc. Do chịu ảnh hưởng của chế độ đẳng cấp phong kiến hàng ngàn năm mà ở Trung Quốc sự phân chia đẳng cấp rất sâu sắc, theo địa vị xã hội có sự phân chia giữa những người cai trị và những người bị trị: quân - thần, quan - dân; theo nghề nghiệp là sự phân chia tứ dân: sĩ - nông - công - thương; theo tư tưởng Đại Hán có sự phân biệt giữa dân tộc Hán và các dân tộc khác... Vì thế, Ước pháp xác nhận quyền bình đẳng của mọi người dân không phân biệt chủng tộc, tôn giáo, giai cấp... có ý nghĩa rất quan trọng. Từ đó về sau, các bản hiến pháp được ban hành ở Trung Quốc đều cơ bản kế thừa và phát triển điều này từ Ước pháp, thể hiện rõ ràng nhất trong Hiến pháp của Trung Hoa Dân Quốc, được ban hành vào năm 1947: "Nhân dân Trung Hoa Dân Quốc, không phân biệt giới tính, tôn giáo, chủng tộc, giai cấp, đảng phái, đều bình đẳng trước pháp luật" (Điều 7) [6, tr. 307]. Ngoài ra, nhân dân còn được hưởng các quyền về chính trị, dân sự khác như: được tự do về thân thể; quyền được đảm bảo không xâm phạm về chỗ ở; quyền bí mật thư tín; quyền tự do tôn giáo; quyền bầu cử và ứng cử; quyền khởi kiện, khiếu nại, tố cáo...

Các quyền về kinh tế, xã hội, văn hóa của nhân dân được Ước pháp ghi nhận bao gồm: quyền sở hữu tài sản của cá nhân, quyền tự do kinh doanh, quyền có nhà ở, quyền tự do sáng tác, xuất bản, hội họp. Trong đó những quyền "tự do" được các nhà lập hiến ghi nhận về mặt pháp lí đã giải phóng địa vị, quyền lợi cho những người dân ở Trung Quốc hàng ngàn năm dưới sự cai trị của thiết chế quân chủ thần quyền. Những quyền tự nhiên trời phú cho con người đã được thừa nhận và bảo vệ. Quyền được bầu cử và ứng cử là một quyền chính trị mới mà nền cộng hòa đã mang lại cho người dân với tư cách là chủ nhân của đất nước, thể hiện "nền chính trị tại dân" được các nhà tư tưởng, các nhà cách mạng thời kì này đề xướng. Quyền sở hữu tài sản cá nhân, quyền tự do kinh doanh đặt nền móng cho quan hệ kinh tế tư bản chủ nghĩa của Trung Quốc tiến bộ hơn quan hệ kinh tế phong kiến ngày càng phát triển.

3.3. Về kĩ thuật lập pháp

Mặc dù các quy định về quyền của nhân dân trong Ước pháp lâm thời nằm rải rác trong toàn văn bản, nhưng chủ yếu tập chung ở Chương II - Nhân dân. Nếu so sánh với Khâm định hiến pháp 1908

của triều Thanh, quyền và nghĩa vụ của người dân không được đặt ở phần chính văn của hiến pháp mà bị đưa vào Phụ lục với tên gọi “Quyền và nghĩa vụ của thần dân” thì Ước pháp lâm thời lại thể hiện một tư duy, cách thức xây dựng hiến pháp hoàn toàn khác. Về vị trí, việc đặt quyền lợi và nghĩa vụ của nhân dân thành một chương độc lập trong phần chính văn đã phản ánh sự thay đổi rất lớn về tư tưởng lập hiến cũng như xác lập địa vị hiến định của nhân dân. Thêm vào đó chương “Nhân dân” còn được đặt ở Chương II chỉ sau Chương I - Tổng cương quy định về thể chế chính trị, lãnh thổ, quyền lực của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và đặt trước các chương cơ quan nhà nước. Điểm này, về hình thức, đã phản ánh nguyên tắc xây dựng hiến pháp hiện đại: tự do cá nhân là thứ tồn tại trước nhà nước, nguồn gốc quyền lực nhà nước là từ nhân dân, chủ nhân của quốc gia là nhân dân. Đây cũng chính là ảnh hưởng của tư tưởng quyền tự nhiên của con người, quyền lực thuộc về nhân dân trong hiến pháp dân chủ tư sản phương Tây, là một sự thay đổi rất lớn trong tư tưởng xây dựng pháp luật nói chung và hiến pháp nói riêng ở Trung Quốc.

Cách quy định về quyền nghĩa vụ của nhân dân trong Ước pháp lâm thời chịu ảnh hưởng nhiều từ Hiến pháp Minh Trị 1889 của Nhật Bản. Tuy nhiên, trong kĩ thuật lập pháp đã thể hiện sự tiến bộ vượt trội. Theo quan điểm của chủ nghĩa hiến pháp, hiến pháp cần quy định quyền của con người một cách tối đa và nghĩa vụ một cách tối thiểu. Dẫu về quyền, Ước pháp có thể chưa đạt được mức “tối đa”, nhưng về nghĩa vụ nếu so sánh với các hiến pháp trước đó và hiện hành vào thời điểm lịch sử ban hành Ước pháp, thực sự nghĩa vụ của nhân dân được quy định không nhiều, chỉ có hai nghĩa vụ là “đi lính” và “nộp thuế”. Hơn nữa, phải kể đến thứ tự sắp xếp các điều khoản về quyền và nghĩa vụ. Nếu Hiến pháp Minh Trị Nhật Bản Điều 20 và Điều 21 quy định về nghĩa vụ được đặt lên trước các điều quy định về quyền của thần dân thì trong Ước pháp lâm thời, những quy định đầu tiên ở Chương II - Nhân dân là về quyền. Có nghĩa rằng, các nhà lập hiến đã xác nhận các quyền của con người trước khi quy định nghĩa vụ. Ở đây không chỉ đơn giản là thứ tự mà nó còn có ý nghĩa quan trọng thể hiện vị thế của nhân dân trong đời sống chính trị pháp lý.

Nhìn một cách tổng quát, những quy định về quyền của nhân dân nước Trung Hoa Dân quốc được đánh giá là ghi nhận “các quyền thông thường đối với hầu hết các đạo luật nhân quyền”, nên Ước pháp lâm thời “thể hiện tinh thần của thời đại, là biểu tượng của sự thay đổi và hứa hẹn sự hiện đại hóa. Chính vì điểm đặc biệt này mà đã gọi lại được một thời kì và luôn được duy trì theo phương cách ảnh hưởng nào đó bởi những người cộng hòa chân chính” [1;487].

4. Một số điểm hạn chế về dân quyền trong Ước pháp lâm thời Trung Hoa Dân quốc

Những điểm tiến bộ của Ước pháp lâm thời đã được khẳng định, tuy nhiên vẫn còn tồn tại những hạn chế nhất định.

4.1. Theo quan điểm của chủ nghĩa hợp hiến, về bản chất, Ước pháp lâm thời đã không thực hiện nguyên tắc ghi nhận quyền đến cùng, tức là nó không thực hiện “tự do cá nhân trên nguyên tắc không bị giới hạn” và “nguyên tắc quyền lực của nhà nước can thiệp vào quyền công dân cần được giới hạn” [2, tr. 69]. Điều 15 quy định: “Quyền của nhân dân quy định tại Chương này có thể bị luật hạn chế khi xét thấy cần thiết để thúc đẩy phúc lợi công cộng, duy trì trật tự công cộng hoặc trong trường hợp cực kỳ khẩn cấp” [6, tr. 307]. Xét từ ngữ nghĩa tiếng Trung, mẫu câu “có thể bị luật hạn chế”, trọng tâm của nó rõ ràng là hạn chế quyền. Đúng vậy, trong các Điều 5 đến Điều 14 của Chương II một loạt các quyền tự do như thân thể, cư trú, tài sản, kinh doanh, ngôn luận, viết lách, xuất bản, hội họp, lập hội, thư tín, cư trú, đi lại và tín ngưỡng tôn giáo được liệt kê, cũng như các quyền công dân khác như quyền bình đẳng, quyền kiến nghị, quyền khởi kiện, quyền bầu cử và quyền ứng cử, đều là bộ phận phù hợp với cái gọi là “hiến pháp tự do”. Tuy nhiên, quy định của Điều 15 “...có thể bị luật hạn chế” đã đặt các quyền tự do và quyền công dân dưới sự hạn chế toàn diện của “luật” mà không có sự phân biệt. Ngay từ khi Ước pháp ban hành, nhiều nhà tư tưởng, trí thức, luật gia lúc bấy giờ đã cho rằng bản thân nó còn thiếu những yếu tố để đảm bảo cho nhân dân thực hiện quyền của mình.

Lý Kiếm Nông một nhà tư tưởng của Trung Quốc đầu thế kỉ XX cũng chỉ ra điểm khuyết thiếu của Ước pháp về vấn đề quyền của nhân dân. Trong bài “Quyền tự do ngôn luận và báo chí trong Hiến pháp” đăng trên tạp chí “Thái Bình Dương” năm 1919 ông đã cho rằng, Điều 15 Ước pháp lâm thời 1912 quy định những quyền của nhân dân được hiến pháp ghi nhận “có thể bị luật hạn chế” còn nhiều bất cập. Ông viết: Điều 6 Ước pháp lâm thời công nhận quyền tự do của nhân dân thì Điều 15 lại là xiềng xích trói buộc quyền tự do đó, cũng chính là đã trao cho chính phủ quyền tự do “phá hủy những quyền tự do đó”[4]. Bởi vì các thuật ngữ như “thúc đẩy phúc lợi công cộng”, “duy trì trật tự công cộng”, “cực kỳ khẩn cấp”, “cần thiết” không có định nghĩa rõ ràng; khi gặp chính quyền tối, chúng có thể được mở rộng và thu gọn tùy ý; những người chống lại cái ác của chúng, chúng có thể sử dụng các thuật ngữ khác nhau như “duy trì trật tự trị an” để đàn áp.

Về nguyên nhân dẫn đến quy định tại Điều 15 của Ước pháp lâm thời, một số nhà tư tưởng thời kì này cho rằng có 2 cách giải thích. Một là, do chịu ảnh hưởng của Hiến pháp Nhật Bản Minh Trị, bởi vì hầu hết thành viên của Thượng viện Nam Kinh đều là những người trong nhóm Đông Du Nhật Bản. Trong Điều 29 của Hiến pháp Minh Trị quy định: “Thần dân Nhật Bản, trong phạm vi pháp luật, được tự do sáng tác, xuất bản, hội họp, lập hội” [1, tr. 450]. Hiến pháp Nhật Bản dùng cụm từ “trong phạm vi pháp luật” để bao hàm mọi thứ, mà luật nào cũng có thể được ban hành; khi “trong phạm vi pháp luật” được mở rộng thì đương nhiên phạm vi của quyền sẽ bị thu hẹp. So với “trong phạm vi pháp luật” của hiến pháp Nhật Bản, thì “có thể bị pháp luật hạn chế” quy định trong Ước pháp lâm thời của Trung Quốc dường như hẹp hơn, bởi vì có các quy định như “thúc đẩy phúc lợi công cộng”, “duy trì luật trật tự trị an”, “vô cùng khẩn cấp” và “cần thiết”... Trên thực tế, những điều khoản này là vũ khí tốt nhất được hiến pháp trao của chính phủ tối sử dụng tùy ý.

4.2. Những nhà lập hiến đã quá tin tưởng vào Quốc hội, nghĩ rằng luật là do quốc hội làm ra, quốc hội đại diện cho dân nên sẽ không ban hành những luật xâm phạm quyền chính đáng của người dân. Họ đã tin tưởng vào quốc hội quá nhiều, với họ từ “luật”, “hiến pháp” quá thiêng liêng. Bản chất của hiến pháp một mặt là bảo vệ quyền lợi của người dân, mặt khác giới hạn phạm vi hành động của chính quyền. Chính phủ theo nghĩa hẹp là cơ quan hành pháp, còn chính phủ theo nghĩa rộng bao gồm ba cơ quan lập pháp, hành chính và tư pháp. Trong đời sống chính trị, nghị viện thời cận hiện đại, tuy cơ quan tư pháp độc lập nhưng cơ quan lập pháp và cơ quan hành pháp thường liên kết với nhau; cơ quan hành pháp mạnh thì cơ quan lập pháp trở thành cấp dưới của cơ quan lập pháp; cơ quan lập pháp mạnh thì cơ quan hành pháp trở thành cấp dưới của nghị viện. Các sản phẩm, bất kể luật nào, (ngoại trừ hiến pháp) hầu hết đều được xây dựng bởi nỗ lực chung của các cơ quan hành pháp và lập pháp. Giả dụ, một đảng phái chiến thắng cầm quyền, dù là chính đảng tốt hay xấu, bất kỳ luật nào cũng có thể được ban hành; đến khi một đảng khác thay thế cầm quyền, bất kể tốt hay xấu, bất kỳ luật nào cũng có thể bị lật đổ (đặc biệt là ở một quốc gia mà dư luận có không có ảnh hưởng). Việc giao phó quyền tự do bất khả xâm phạm của người dân cho các đạo luật do một thể chế như vậy đưa ra là vô cùng nguy hiểm. Thượng viện ở Nam Kinh không nhìn thấy điều này. Họ cho rằng pháp luật là do quốc hội, đại diện cho nhân dân ban hành, và họ sẽ không bao giờ ban hành bất kỳ một đạo luật nào xâm phạm quyền chính đáng của nhân dân; chính quyền (theo nghĩa hẹp) dù muốn làm điều ác cũng không bao giờ dám vượt ra ngoài phạm vi của pháp luật. Không ngờ luật pháp mà họ tin tưởng lại là vũ khí của chính quyền tối (theo nghĩa rộng), họ có thể tùy ý sửa đổi, áp dụng, nên một số nhà tư tưởng, hoạt động chính trị khi đó mới nói là họ quá tin tưởng vào quốc hội, coi trọng chữ “luật”, “hiến pháp” như thần thánh. Điều này cũng dễ giải thích bởi thực tiễn lịch sử Trung Quốc thời kì sau cách mạng Tân Hợi dưới sự thống trị của Chính phủ Bắc Dương phản động gần như tất cả những quyền của người dân đều bị lấy căn cứ pháp lí “có thể bị luật hạn chế” làm lí do để chính quyền xâm hại hoặc người dân không thể thực hiện được những quyền ấy.

5. Vai trò lịch sử của Ước pháp lâm thời

Lênin đã từng chỉ ra rằng “*công lao của lịch sử được đánh giá không phải ở chỗ những người hoạt động lịch sử đã không cung cấp những gì hiện tại yêu cầu, mà ở chỗ những nhà tiên bố đã cung cấp cái gì mới*” [5, tr. 79]. Ước pháp lâm thời Trung Hoa Dân quốc được ban hành mặc dù hiệu lực pháp lý của nó trên thực tế gần như không được thực thi, là nguyên nhân nhiều người trong một thời gian dài cho rằng nó chỉ là một văn bản chết nhưng với lịch sử Trung Hoa nó không bao giờ “chết” bởi những đóng góp to lớn của nó.

“Ước pháp lâm thời Trung Hoa Dân quốc” là sản phẩm vĩ đại của cuộc Cách mạng Tân Hợi năm 1911 và là thành quả quý báu mà những người cách mạng thu được sau vô số hy sinh xương máu. Ước pháp lâm thời là văn bản pháp luật có tính chất hợp hiến của nước cộng hòa tư sản thiết lập khuôn mẫu của nền chính trị dân chủ tư sản Trung Quốc thời kì cận đại. Những quy định về dân quyền mà Ước pháp đã ghi nhận hướng tới việc thiết lập một nhà nước dân chủ tư sản theo tâm niệm của Tôn Trung Sơn từ lâu: “*Cách mạng nhân dân hiện nay là xây dựng chính quyền quốc gia, mọi công dân đều bình đẳng, có quyền tham gia chính quyền. Tổng thống do nhân dân bầu ra. Quốc hội bao gồm các thành viên do nhân dân bầu ra, lập ra Hiến pháp Trung Hoa Dân quốc và mọi người nên tuân theo. Kẻ nào muốn xây dựng chế độ quân chủ cho riêng mình sẽ bị trừng phạt!*” [5, tr. 79].

Tôn Trung Sơn đã từng so sánh khẩu hiệu “*Tự do, Bình đẳng và Bác ái*” do cách mạng Pháp đưa ra vào thế kỷ XVII với Chủ nghĩa Tam dân, cho rằng “*bình đẳng cũng giống như dân quyền của chúng ta, bởi vì Chủ nghĩa dân quyền chủ trương mọi người đều bình đẳng về địa vị chính trị, cần phải phá bỏ chế độ quân chủ và làm cho mọi người bình đẳng*” [5, tr. 80]. Đồng thời, ông cũng đánh giá cao tư tưởng “*dân làm chủ, dân cai trị, dân hưởng dụng*” do Tổng thống Lincoln đề xướng ở Hoa Kỳ, coi trọng chế độ dân trị và quyền lợi của nhân dân. Những quy định về dân quyền trong Ước pháp lâm thời hướng tới hiến định hóa những tư tưởng dân chủ đó. Vì vậy, dẫu chưa thực sự được thực thi trên thực tế nhưng Ước pháp lâm thời đã thúc đẩy nhanh chóng xu hướng dân chủ đời sống chính trị xã hội ở Trung Quốc. Theo nghĩa này, “*Hiến pháp lâm thời*” giống như ngọn hải đăng sáng ngời, chỉ đường cho nhân dân Trung Quốc đang chèo thuyền trên biển tăm tối sương mù do chế độ quân chủ chuyên chế cai trị hàng ngàn năm.

Bản Ước pháp này đánh dấu sự khởi đầu của một giai đoạn mới trong lịch sử lập hiến Trung Quốc. Ước pháp giống như căn cứ địa giúp Tôn Trung Sơn, các nhà cấp tiến và nhân dân Trung Quốc xúc tiến và đẩy mạnh phong trào bảo vệ hiến pháp, bảo vệ nền cộng hòa diễn ra trong suốt hơn 10 năm sau đó với mong muốn lật đổ nền cộng hòa giả hiệu để thiết lập một nền cộng hòa thực sự. Những tiến bộ và hạn chế trong tư tưởng, nội dung, kĩ thuật lập pháp về dân quyền của bản Ước pháp này cũng là nền tảng xúc tiến quá trình xây dựng và hoàn thiện hiến pháp ở Trung Quốc, khiến cho quyền của nhân dân về mặt hiến định ngày càng mở rộng, đảm bảo và hiện thực hóa. Ước pháp lâm thời Trung Hoa Dân quốc đi vào lịch sử không chỉ là bản hiến pháp dân chủ đầu tiên ở Trung Quốc mà còn là bản hiến chương dân quyền dân chủ tư sản có ảnh hưởng nhất ở Châu Á những thập niên đầu thế kỉ XX.

Tài liệu tham khảo

- [1] Albert P. Blaustein, Jay A. Sigler (2013), *Các bản hiến pháp làm nên lịch sử*, NXB Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
- [2] Nhiều Chuyên Bình (2010), *Bản về diễn biến của các điều khoản quy định quyền lợi cơ bản trong hiến pháp Trung Quốc thời cận đại (1908 - 1947)*, Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Chính Pháp Hoa Đông.
- [3] Tiết Mai Khanh (1995), *Giáo trình Trung Quốc pháp chế sử tân biên*, NXB Đại học Chính Pháp Trung Quốc.
- [4] Kiểm Nông ((1919), *Quyền tự do ngôn luận*, xuất bản trong hiến pháp, “*Thái Bình Dương*”, quyển 2 số 01 tháng 11.
- [5] Tăng Tam Minh (1982), *Bản luận về cội nguồn lịch sử của “Ước pháp lâm thời Trung Hoa Dân quốc”*, Học báo Đại học Sơn Tây, kì 3.
- [6] *Trung Hoa Ước pháp lâm thời (1979)*, Phụ lục in trong Trương Tấn Phiên, Tăng Hiến Nghị, *Lịch sử hiến pháp Trung Quốc khảo lược*, NXB Bắc Kinh.